TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/QĐST– DS	*Tam Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị E, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1972

2. Bà Bùi Thị A, sinh năm: 1973

3. Anh Trần Quốc T1, sinh năm: 1994

4. Chị Trần Thị Mỹ T2, sinh năm: 1997

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị E và ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A thống nhất thỏa thuận: Bà Trần Thị E và ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A vô hiệu hợp đồng cố đất giữa bà Trần Thị E và ông Trần Thanh T ngày 27/10/2013 (Đơn cố đất ngày 27/10/2013).

Phần đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.305,5m^2, tọa lạc ấp Long Công, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất khi cố đất không có giao cho bà Trần Thị E, do ông

Trần Thanh T trực tiếp sử dụng nên bà Trần Thị E không có nghĩa vụ giao phần đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.305,5m^2 cho ông Trần Thanh T.

Ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A, Anh Trần Quốc T1, chị Trần Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị E số vàng 02 cây vàng 24K. Giá vàng là 5.210.000 đồng/chỉ, thành tiền 104.200.000 đồng.

Phương thức trả tiền như sau: Mỗi tháng ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A, Anh Trần Quốc T1, chị Trần Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị E số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 29 hàng tháng. Trả kỳ đầu tiên vào ngày 29/01/2021 cho đến khi trả hết nợ.

- Bà Trần Thị E và ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc vô hiệu hợp đồng cố đất.

- Bà Trần Thị E không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 104.200.000 đồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị E phải chịu 1.377.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010500 ngày 05/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bà Trần Thị E được nhận lại số tiền 1.372.500 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Trần Thanh T, bà Bùi Thị A, Anh Trần Quốc T1, chị Trần Thị Mỹ T2 phải liên đới chịu 1.377.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- Đương sự: 05b;
- Lưu: 04b.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Út